**PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN TRÀNG ĐỊNH**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc - hiểu** | Truyện | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Bài văn phân tích tác phẩm truyện | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***10*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30 %** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện** | **Nhận biết:**  **-** Nhận diện một số yếu tố đặc trưng của truyện: chủ đề, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôi kể, lời kể.  - Nhận diện: thợ từ, thán từ  được các thành phần biệt lập: cảm thán, tình thái, gọi-đáp, phụ chú (chêm xen).  - Nhận diện được một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, đảo ngữ.  - Xác định thông tin được nêu trong ngữ liệu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ liệu.  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của ngữ liệu (đặc điểm của nhân vật; tác dụng của cốt truyện, chi tiết, ngôi kể, lời kể).  - Hiểu được chức năng của các thành phần biệt lập: cảm thán, tình thái, gọi-đáp, phụ chú (chêm xen) trong ngữ liệu.  - Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, đảo ngữ.  **Vận dụng**:  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung của ngữ liệu.  - Nhận xét, nêu suy nghĩ về một khía cạnh nội dung/nghệ thuật của ngữ liệu.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, cách sống của bản thân sau khi đọc ngữ liệu.  - Bày tỏ ý kiến về vấn đề đặt ra trong ngữ liệu.  - Liên hệ được nội dung nêu trong ngữ liệu với những vấn đề của xã hội đương đại. | 4 TN | 2TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Bài văn phân tích tác phẩm truyện** | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài: nghị luận văn học về một tác phẩm truyện.  - Xác định được nội dung nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Lập được hệ thống luận điểm hợp lí để làm rõ chủ đề, thông điệp, một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện.  - Hiểu được ý nghĩa, giá trị của truyện.  - Sử dụng được bằng chứng, lí lẽ có trong truyện để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, đặt câu, các phép liên kết, các thao tác lập luận để viết hoàn chỉnh bài văn nghị luận phân tích truyện.  - Lời văn trong sáng, mạch lạc.  **Vận dụng cao**:  - Trình bày được những cảm nhận riêng mang tính phát hiện về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.  - Có sáng tạo trong lập luận, lời văn nghị luận giàu hình ảnh, cảm xúc; giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **2TL** | **2 TL** | **1 TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

***Lưu ý*** :

(1\*): Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong hướng dẫn chấm.